



NỘI DUNG CHI TIẾT SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG

(Kèm theo Tờ trình số 1504.6 /2022/Ttr-CMT-HĐQT ngày 15 tháng 04 năm 2022 của HĐQT Công ty)

TT	ĐIỀU/KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO, CĂN CỨ
I. MỘT SỐ NỘI DUNG CHỈNH SỬA, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY				
1.	Điều 1.1	<p>a. "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;</p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu;</p> <p>d. "Cán bộ quản lý" là Tổng giám đốc điều hành, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;</p> <p>e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>f. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời</p>	<p>a. Vốn điều lệ là <u>tổng mệnh giá cổ phần đã được bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần</u> và theo quy định tại điều 6 Điều lệ này;</p> <p>b. Vốn có quyền biểu quyết là <u>vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội đồng cổ đông;</u></p> <p>c. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số <u>59/2020/QH14</u> được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;</p> <p>d. Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số <u>54/2019/QH14</u> được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;</p> <p>e. Việt Nam là nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;</p> <p>f. Ngày thành lập là ngày Công ty được cấp Giấy Chứng Nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng</p>	Sửa đổi, bổ sung, thay đổi tên gọi thống nhất với Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ mẫu kèm theo thông tư số 116/2020/TT-BTC, Luật Chứng khoán 2019 và Luật Doanh nghiệp năm 2020

		<p>gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;</p> <p>g. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p>	<p>nhận đăng kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;</p> <p>g. Người điều hành doanh nghiệp là Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, trừ chức danh Người phụ trách quản trị Công ty;</p> <p>Bổ sung:</p> <p>h. Người quản lý Doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại Hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;</p> <p>i. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>j. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất 1 cổ phần của Công ty;</p> <p>k. Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất 1 cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập của công ty cổ phần;</p> <p>l. Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>m. Thời hạn hoạt động là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty thông qua;</p> <p>n. Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.</p>	
--	--	--	---	--

			o. Cán bộ quản lý là các chức danh do Tổng giám đốc bổ nhiệm	
2.	Điều 2.4	Tổng Giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty	<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc; 2. Người đại diện theo pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam, và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. 4. Trường hợp hết hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của công ty chưa trở lại Việt Nam và không có giấy ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty trong thời gian phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật 	Làm rõ hơn theo Luật Doanh nghiệp 2020

			<p>của công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi HĐQT quyết định cử người khác thay thế.</p> <p>5. Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì HĐQT sẽ cử người khác thay thế.</p> <p>6. Trách nhiệm của người đại diện theo Pháp luật: Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>7. Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 1 điều này.</p>	
3.	Điều 5		<p>Bổ sung</p> <p>5. Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101122893 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/07/2003</p>	Bổ sung thông tin
4.	Điều 6	<p>2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định của Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu</p>	<p>2. Cổ phần là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy</p>	Sửa đổi phù hợp Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư

		phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp	đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh Nghiệp	116/2020/TT-BTC
5.	Điều 9	Điều 9: Thu hồi cổ phần		Phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ mẫu kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC
6.	Điều 10	Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty gồm: 1. Đại Hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ban kiểm soát; 4. <u>Tổng giám đốc điều hành.</u>	Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty gồm: 1. Đại Hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ban kiểm soát; 4. <u>Tổng giám đốc.</u>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC
7.	Điều 11	a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;	a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. <u>Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</u> <u>Bổ sung:</u> i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và	Làm rõ hơn theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

			<p>lợi ích ngành nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phiếu ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</p> <p>j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật</p> <p>k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình, đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p>	
8.	Điều 11.3	<p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ <u>10%</u> tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tương ứng tại khoản 2 Điều 24 và khoản 2 Điều 32 Điều lệ này;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ <u>05%</u> tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

		<p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản, phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e. Các quyền khác quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số sanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.</p>	
9.	Điều 11.4		<p><u>Bổ sung:</u> Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:</p> <p>a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp để biết trước khi khai mạc Đại Hội đồng cổ đông;</p>	Phù hợp theo quy định tại Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.

			<p>b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại Hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị đề cử.</p>	
10.	Điều 12	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. 2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc các hình thức điện tử khác: thư, fax, thư điện tử. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông. 3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định. 4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua; 2. <u>Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</u> 3. Tuân thủ Điều lệ công ty và quy chế quản lý nội bộ của công ty; 4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; 	Sắp xếp lại và bổ sung theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

	<ol style="list-style-type: none"> 5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành. 6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a. Vi phạm pháp luật; b. Tiến Hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty. 7. Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán. 	<ol style="list-style-type: none"> 5. <u>Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật, chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;</u> 6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau: <ol style="list-style-type: none"> a. Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho các nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp; c. Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d. Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; 7. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần; 8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a. Vi phạm pháp luật; b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi và phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; 	
--	---	---	--

			<p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.</p> <p>9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;.</p>	
11.	Điều 13.1	Đại Hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Đại Hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại Hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</u>	Làm rõ hơn theo Luật Doanh nghiệp 2020
12.	Điều 13.2	Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm <u>và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm</u>	Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặt biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. <u>Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời người đại diện tổ chức</u>	Bổ sung và làm rõ hơn theo Luật Doanh nghiệp 2020

			<u>kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</u>	
13.	Điều 13.3 Khoản b	Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo 06 tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa so với số đầu kỳ; d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan; e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh	Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 điều 115 Luật Doanh nghiệp, yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;	Phù hợp Khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC

		nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình; f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.		
14.	Điều 14.1	Đại hội đồng Cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau: <ol style="list-style-type: none"> Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty; Báo cáo tài chính hằng năm; Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban kiểm toán về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm toán viên; Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền. 	<u>Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</u> <ol style="list-style-type: none"> <u>Thông qua định hướng phát triển của Công ty</u> <u>Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, quyết định mức cổ tức hàng năm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;</u> <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;</u> <u>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</u> <u>Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty</u> <u>Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</u> <u>Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại</u> <u>Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông công ty;</u> <u>Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</u> 	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020

			<ul style="list-style-type: none"> j. <u>Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị</u> k. <u>Phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị;</u> l. <u>Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận, quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</u> m. <u>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật</u> 	
15.	Điều 14.2	<p>Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Thông qua các báo cáo tài chính năm; b. Mức cổ tức thanh toán hằng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến của các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông; c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị; d. <u>Lựa chọn công ty kiểm toán;</u> e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; 	<p>Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty; b. Báo cáo tài chính hằng năm; c. <u>Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</u> d. <u>Báo cáo của Ban kiểm toán về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</u> e. <u>Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm toán viên;</u> f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; 	Bổ sung phù hợp với Điều 139 Luật Doanh nghiệp và sắp xếp lại trật tự các mục

	<p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Bổ sung và sửa đổi điều lệ Công ty;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập.</p> <p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi công ty.</p> <p>j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành</p> <p>n. <u>Giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:</u></p> <p>- <u>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên,</u></p>	<p>g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát;</u></p> <p>j. <u>Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</u></p> <p>k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p>	
--	---	--	--

		<p><u>Giám đốc (Tổng giám đốc), các người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10 tổng số vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;</u> - <u>Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty</u> 	<p>p. <u>Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán ra mỗi loại;</u></p> <p>q. <u>Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất;</u></p> <p>r. <u>Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</u></p> <p>s. <u>Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;</u></p>	
16.	Điều 15.1 Điều 15.2 Điều 15.3	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. <u>Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 điều 144 Luật Doanh nghiệp.</u> 2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 1 điều này phải lập thành văn bản. <u>Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy</u> 	Bổ sung phù hợp với điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020

		<p>b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ý của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>d. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp</p> <p>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty)</p>	<p><u>quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</u></p> <p><u>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</u></p>	
17.	Điều 16.1	<p>Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.</p>	<p>Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. <u>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi</u></p>	<p>Làm rõ hơn theo Luật Doanh nghiệp 2020</p>

			<p><u>chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</u></p>	
18.	Điều 17.2. Khoản a	<p>Người triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên số đăng ký cổ đông của công ty. <u>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;</u></p>	<p>Người triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. <u>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</u></p>	<p>Làm rõ hơn theo Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020</p>
19.	Điều 17.3	<p>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. <u>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ</u></p>	<p>Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của công ty niêm yết. <u>Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời</u></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 143 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

		<p>ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận</p>	<p><u>hợp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp</u> (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu có liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại Hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. <u>Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</u> b. <u>Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;</u> c. <u>Phiếu biểu quyết/bầu cử;</u> d. <u>Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</u> 	
20.	Điều 17.5	<p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông</p>	<p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p>	Phù hợp điều 142 Luật Doanh nghiệp 2020

		không có đủ ít nhất <u>10% cổ phần phổ thông</u> trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;	b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ <u>5% cổ phần phổ thông</u> trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;	
21.	Điều 17.6 Điều 17.7	6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp. 7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.	<u>6. Người triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 điều này, kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</u>	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
22.	Điều 18.1	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số lượng cổ đông dự họp đại diện trên <u>51% tổng số phiếu biểu quyết</u>	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số lượng cổ đông dự họp đại diện trên <u>50% tổng số phiếu biểu quyết</u>	Phù hợp điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020.
23.	Điều 19	4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa,	2. Việc bầu cử chủ tọa, Ban kiểm tra tư cách cổ đông/ Đại biểu và ban kiểm phiếu được quy định như sau: a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng	Bổ sung, sửa đổi và sắp xếp lại trình tự các mục phù hợp điều 146 Luật Doanh nghiệp

	<p>thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.</p> <p>7. Chủ tọa đại hội hoặc thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</p> <p>8. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại Hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng</p>	<p>quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; Ban kiểm tra tư cách cổ đông/ Đại biểu phục vụ cuộc họp;</p> <p>d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p> <p>5. <u>Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại Hội đồng Công ty thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</u></p>	<p>2020 và Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
--	--	---	---

~~quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trực xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.~~

9. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự hoặc tiếp tục tham dự) đại hội;

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

~~10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trong, Hội đồng quản trị khi các định địa điểm đại hội có thể:~~

- ~~a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội);~~
- ~~b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được~~

6. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội cổ đông cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
- b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trực xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc

ủy quyền không dự họp theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

e. Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh khác yêu cầu), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội

Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất 01 lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 3 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau:

- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp
- b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc, tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông

			<p><u>tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán</u></p>	
24.	Điều 20.1		<p><u>Bổ sung:</u></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	Bổ sung theo Luật Doanh nghiệp 2020
25.	Điều 20.2	Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên <u>51%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 và khoản 3 Điều này.	Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên <u>50%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp	Phù hợp điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020
26.	Điều 20.4	Trường hợp cổ đông dự họp là người có liên quan không có quyền biểu quyết về một vấn đề thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về vấn đề đó được thông qua khi có ít nhất <u>51 hoặc 65%</u> tổng số phiếu được quyền biểu quyết tương ứng theo quy định của pháp luật.	Trường hợp cổ đông dự họp là người có liên quan không có quyền biểu quyết về một vấn đề thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về vấn đề đó được thông qua khi có ít nhất <u>50 hoặc 65%</u> tổng số phiếu được quyền biểu quyết tương ứng theo quy định của pháp luật.	Phù hợp điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020

27.	Điều 20.5	<p>Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất <u>51% tổng số phiếu</u> hợp lệ biểu quyết chấp thuận.</p>	<p>Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất <u>50% tổng số phiếu</u> hợp lệ biểu quyết chấp thuận.</p> <p><u>Bổ sung:</u></p> <p>6. Các Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</p> <p>8. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần</p>	Phù hợp điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020
-----	-----------	--	---	---

			ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	
28.	Điều 21.1	Hội đồng Quản trị có thể xin ý kiến cổ đông bằng văn bản bất cứ lúc nào nếu cần thiết <u>kể cả các nội dung được quy định tại khoản 2 điều 143 Luật Doanh nghiệp 2014</u>	Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết <u>vì lợi ích của công ty bất kể khi nào kể cả trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 của Luật Doanh nghiệp 2020</u>	Phù hợp điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020
29.	Điều 21.2	Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất <u>15 ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến</u>	Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết <u>chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến</u> , Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 21 Điều lệ này.	
30.	Điều 21.3	Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp. b. Mục đích lấy ý kiến	Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	Phù hợp điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ

		<p>c. Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <u>số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân</u>; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, <u>địa chỉ thường trú</u>, quốc tịch, <u>số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện</u> theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;</p>	<p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty</u>;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, <u>số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân</u>; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, <u>địa chỉ liên lạc</u>, quốc tịch, <u>số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức</u>, số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g. Họ, tên chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	<p>mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
31.	Điều 21.8	<p>Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được cổ đông sở hữu trên <u>51%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông</p>	<p>Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được cổ đông sở hữu trên <u>50%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có</p>	<p>Phù hợp điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu kèm theo</p>

		qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	Thông tư 116/2020/TT-BTC
32.	Điều 22	<p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty trong thời hạn 24 giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng Tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa Đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, số chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; Chương trình họp và nội dung cuộc họp; Họ, tên chủ tọa và thư ký; Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp; Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; Tổng số phiếu <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

			<p>3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p> <p>4. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	
33.			<p><u>Bổ sung</u></p> <p>Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được</p>	<p>Bổ sung, làm rõ theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020- TT- BTC</p>

			<p>công bố và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none">Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;Trình độ chuyên môn;Quá trình công tác;Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan đến Công ty; <p>Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan đến công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p> <ol style="list-style-type: none">Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền góp số	
--	--	--	---	--

			<p>quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none">- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa ba (03) ứng viên;- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa bốn (04) ứng viên- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử tối đa 05 ứng viên. <p>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội</p>	
--	--	--	---	--

			<p>đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.</p>	
34.	Điều 24.1	<p>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị (xác định theo phương thức làm tròn xuống)</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị của 01 công ty đại chúng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của quá 05 công ty khác</p>	<p>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 5 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty trong không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp theo Điều 154 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020- TT-BTC</p>
35.	Điều 24.2	<p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>2. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công ty</p>	<p>Sửa đổi phù hợp theo Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020-TT-BTC</p>

		<p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên, từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 02 ứng viên, từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên, từ 40% đến dưới 50% có quyền đề cử tối đa (04) ứng viên, từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 ứng viên, từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 ứng viên, từ 70% đến 80% được đề cử tối đa 07 ứng viên, và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 ứng viên.</p>	<p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.</p>	
36.	Điều 24.4	<p>Thành viên Hội đồng Quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị; Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty; Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; 	<p>Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp, cụ thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - <u>Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp</u> - Có đơn từ chức và <u>được chấp thuận</u>; b. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: 	<p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

		<p>d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của hội đồng quản trị liên tục trong vòng 06 tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ này bị bỏ trống;</p> <p>e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, <u>trừ trường hợp bất khả kháng;</u> <p><u>Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản a và khoản b Điều này.</u></p>	
37.	Điều 25.3	<p>Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm; Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương của họ; Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện 	<p>Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty; Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; 	<p>Sửa đổi, bổ sung và sắp xếp lại các mục phù hợp Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020-TT-BTC</p>

	<p>của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó</p> <p>f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;</p> <p>g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</p> <p>h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền</p> <p>i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);</p> <p>j. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;</p> <p>k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng, tổ chức việc chi trả cổ tức;</p> <p>l. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;</p> <p>m. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.</p>	<p>d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;</p> <p>e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp</p>	
--	---	---	--

			<p>đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;</p> <p>k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm</p>	
--	--	--	---	--

			<p>toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;</p> <p>p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua, quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;</p>	
38.	<p>Điều 25.4</p> <p>Điều 25.6</p> <p>Điều 25.7</p> <p>Điều 25.8</p> <p>Điều 25.9</p> <p>Điều 25.10</p>	<p>25.4 Những Vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn</p> <p>25.6 Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p> <p>25.7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho</p>	<p>4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán</p>	<p>Phù hợp với Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020-TT-BTC</p>

	<p>công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</p> <p>25.8 Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>25.9 Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công tron gói theo từng lần lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	
--	--	--

		<p>25.10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p>		
39.			<p><u>Bổ sung:</u> Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. 	<p>Bổ sung và sửa đổi theo Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020-TT-BTC</p>

			<ol style="list-style-type: none">3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại Hội	
--	--	--	---	--

			<p>đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
40.	Điều 26	<p>1, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra 01 Chủ tịch.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>1, Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2, Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cho cuộc họp, triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; 	<p>Phù hợp điều 156 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020-TT-BTC</p>

	<p>4, Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày.</p>	<p>e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3, Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p> <p>4, Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị</p>	
--	---	--	--

41.	Điều 27	<p>7. Thông báo mời họp được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị <u>ít nhất 05 ngày trước khi tổ chức họp</u>, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.</p> <p><u>Điều 27.13</u></p> <p><u>Điều 27.14</u></p> <p><u>Điều 27.15</u></p> <p><u>Điều 27.16</u></p>	<p>8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là <u>03 ngày làm việc trước ngày họp</u>. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng <u>giấy mời</u>, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.</p> <p><u>Bổ sung:</u></p> <p>11. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp Điều 157 Luật Doanh nghiệp và sắp xếp trình tự theo Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
-----	---------	--	---	---

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; fax, thư điện tử.

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

12. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải được gửi kèm theo Phiếu dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị, thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nêu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

17. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm

			<p>quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 3 Điều 26 Điều lệ này.</p> <p>Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết được thông qua tại các cuộc họp.</p> <p>19. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.</p>	
42.			<p><u>Bổ sung:</u></p> <p>Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu 03 người bao gồm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có tối đa số thành</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

			<p>viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p> <p>Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty.</p> <p>3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tụ vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại Hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và Cổ đông;</p>	
--	--	--	---	--

			<ul style="list-style-type: none"> b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị; c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; d. Tham dự các cuộc họp; e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật; f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị; g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty; h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan; i. Bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty; 	
43.	Điều 29	<p>1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có</p>	<ul style="list-style-type: none"> 1. <u>Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.</u> 2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. <u>Người</u> 	Sửa đổi phù hợp với Điều 163 Luật Doanh nghiệp

		<p>sự miễn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</p> <p>2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc điều hành.</p>	<p><u>điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</u></p> <p>3. <u>Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</u></p> <p>4. <u>Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</u></p>	
44.	Điều 30	<p>3. Tổng Giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng Cổ đông thông qua;</p> <p>b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh</p>	<p>4. Tổng Giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;</p> <p>d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;</p>	Sửa đổi theo Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2020 và sắp xếp lại trình tự các mục theo Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

- ~~e. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;~~
- ~~d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;~~
- ~~e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 năm;~~
- ~~f.~~

- e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các cán bộ quản lý bao gồm: các Giám đốc kinh doanh, các Giám đốc bộ các bộ phận nghiệp vụ, các trưởng phó phòng và các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm;
- f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
- g. Tuyển dụng lao động;
- h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Bổ sung:

5. Cán bộ quản lý Công ty

Tổng Giám đốc quyết định số lượng và loại Cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty tùy từng thời điểm. Việc bổ nhiệm các chức danh Cán bộ quản lý và các giao dịch mua bán cổ phiếu liên quan đến Cán bộ quản lý công ty không thuộc đối tượng phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành. Cán bộ quản lý phải có sự miễn cưỡng

			<p>thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</p> <p>Mức lương và các lợi ích khác của Cán bộ quản lý do Tổng giám đốc quyết định.</p>	
45.	Điều 31	Điều 31: Người phụ trách quản lý Công ty		Sắp xếp lại trình tự theo Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
46.			<p>Bổ sung</p> <p>Điều 35. Thư ký Công ty</p> <p>Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm 01 hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, ghi chép các biên bản họp;</p>	Sửa đổi theo điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020-TT-BTC

			<ul style="list-style-type: none"> b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty; d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông, việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính; e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ Công ty. 	
47.			<p><u>Bổ sung:</u> Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 2 Điều 25 Điều lệ này. 2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo 	Phù hợp điều 168 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020-TT-BTC

			<p>quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật</p>	
48.	Điều 32	<p>Điều 32. Thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là 03 thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó. Các thành viên Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên theo quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Các kiểm soát viên bầu 01 người trong số họ làm Trưởng</p>	<p>Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát</p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a) <u>Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</u></p> <p>b) <u>Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.</u></p> <p>3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p>	<p>Sửa đổi, thay thế và bổ sung theo Điều 168, 174 Luật Doanh nghiệp và sắp xếp lại theo Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

	<p>ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông. <p>2, Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên, từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên, từ 30% trở lên được ứng cử tối đa 03 ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên ban kiểm soát phải được</p>	<ol style="list-style-type: none"> <u>Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;</u> <u>Có đơn từ chức và được chấp thuận;</u> <p>4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <u>Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</u> <u>Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</u> <u>Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</u> <u>Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</u> <p>Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát</p> <p>1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. <u>Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh</u></p>	
--	---	---	--

	<p><u>ông bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</u></p> <p>4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm, thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>5. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát; b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính và được chấp thuận; c. <u>Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;</u> d. Thành viên đó vắng mặt không tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng 06 tháng không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống; e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi không hoàn thành nhiệm vụ được phân công. 	<p><u>doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</u></p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:</p> <ul style="list-style-type: none"> d. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; e. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; f. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông. 	
--	---	---	--

49.	Điều 33	<p>1. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát</p> <p>a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;</p> <p>b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</p> <p>c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;</p> <p>d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu (06) tháng và quý;</p> <p>e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</p> <p>f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;</p>	<p>Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</p> <p>Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết. 2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình. 3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác. 4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông. 5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. 	<p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp theo Điều 170, 171, 172 Luật Doanh nghiệp 2020 và sắp xếp lại các đề mục theo Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
-----	---------	---	--	---

	<p>g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;</p> <p>h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý;</p> <p>i. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</p> <p>j. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cổ đông;</p> <p>k. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	<p>6. <u>Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</u></p> <p>7. <u>Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</u></p> <p>8. <u>Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</u></p> <p>9. <u>Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</u></p> <p>10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p><u>Bổ sung</u></p> <p><u>Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát</u></p> <p>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên</p>	
--	--	---	--

	<p>1. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Thư ký Công ty phải đảm bảo rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu 02 lần một năm và số lượng thành viên Ban kiểm soát tham gia các cuộc họp tối thiểu là 02 người.</p> <p>4. Mức thù lao của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia</p>	<p>bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ</p> <p>Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập</p>	
--	--	--	--

		các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát	thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.	
50.	Điều 35	<p>Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <ol style="list-style-type: none"> Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân, đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng 	<p>Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <ol style="list-style-type: none"> Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản có liên quan. <u>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích Công ty.</u> Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. <u>Đối với các giao dịch nêu trên</u> 	<p>Căn cứ Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ

do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

	<p>quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yêu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiêu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiêu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích cốt lõi của bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những số đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p>	

		<p>e. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>		
51.	Điều 36	<p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của</p>	<p>2. Công ty bồi thường cho người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện tụng, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC

		<p>Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p>	<p>thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình</p>	
52.	Điều 37	<p>Điều 37: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp</p>	<p>Điều 46. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. <u>Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</u></p> <p>a. <u>Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi không chính xác của mình; xem xét, tra</u></p>	<p>Sửa đổi và bổ sung theo Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh

cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

- b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phái thông qua Hội đồng quản trị và các tài liệu khác, từ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng giấy ủy quyền này
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu trữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký

		<p>doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.</p> <p>4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của công ty.</p>	<p>doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo Ủy ban kiểm toán, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.</p> <p>5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử Công ty</p>	
53.	Điều 38		<p>Bổ sung</p> <p>3. Các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và từng nhân viên của Công ty phải ký hợp đồng lao động riêng biệt với Tổng giám đốc. Tổng giám đốc sẽ ký hợp đồng lao động và hợp đồng trách nhiệm với Hội đồng quản trị, được đại diện bởi Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Tất cả các vấn đề liên quan đến nhân viên của Công ty, kể cả các hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, thời gian làm việc và ngày nghỉ, lương, bảo hiểm xã hội, tuyển dụng, đào tạo, thanh tra lao động, giải</p>	<p>Bổ sung theo Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

			<p>quyết tranh chấp lao động và những vấn đề có liên quan khác sẽ do Tổng giám đốc quyết định theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Nhân viên của công ty có quyền thành lập công đoàn và tham gia vào các tổ chức chính trị - xã hội khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. Công đoàn và các tổ chức chính trị-xã hội được thành lập trong Công ty phải hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.</p>	
54.	Điều 43	<p>4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu (06) tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p>		Sửa đổi theo Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
55.	Điều 45	<p>2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>		Sửa đổi theo Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

56.	Điều 46	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật. 2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có). 3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành 	Phù hợp theo quy định tại Điều 43 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
57.	Điều 47.1	<p>Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn b. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành; c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật 	<p>Nếu Công ty bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công ty không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài, Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Theo quyết định của của Đại hội đồng cổ đông; b. Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu là 03 cổ đông trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Người quản lý có liên quan và Công ty trong trường hợp này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp. 	